

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 12 - 2017
V/v: Không công nhận là vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Thanh

2. Ông Nguyễn Phước Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đô – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Huyện HG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê D – sinh năm: 1973, địa chỉ cư trú: Ấp T, TTMN, HCTB, HG – có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Võ T – sinh năm: 1974, địa chỉ cư trú: Ấp T, TTMN, HCTB, HG – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 14/9/2017, quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Lê D trình bày: Năm 1992 do mai mối bà với ông Võ T tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới và sinh sống bên quê ông T tại xã TB, huyện HP, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TB, huyện HP, tỉnh HG sau đó mới chuyển về TTMN, HCTB sinh sống đến nay, khi yêu cầu giải quyết ly hôn thì bà đến xã TB và Phòng Tư pháp huyện HP trích lục giấy chứng nhận đăng ký kết hôn thì không có

sổ bộ lưu. Bà và ông T chung sống hạnh phúc đến năm 1999 thì phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2011 thì sống ly thân đến nay. Nhận thấy không thể hàn gắn và bà cũng không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Thị KN (nữ), sinh ngày 18/6/1993 và Võ H C (nam), sinh ngày 27/6/1997, hiện các con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng bị đơn ông Võ T xin giải quyết vắng mặt và cung cấp lời khai thể hiện tại "Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 13/10/2017" của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A như sau: Ông và bà Lê D kết hôn trên tinh thần tự nguyện, chung sống với nhau cách đây khoảng 25 năm, có đăng ký kết hôn tại xã TB, huyện HP, tỉnh Huyện HG. Ông và bà D bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2014, nguyên nhân do làm ăn thất bại và đã sống ly thân nhau từ năm 2014 cho đến nay, ông cũng không còn tình cảm với bà D nên ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông thống nhất với bà D là có 02 người con chung tên Võ Thị KN (nữ), sinh ngày 18/6/1993 và Võ H C (nam), sinh ngày 27/6/1997, hiện các con chung đã trưởng thành nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật; đối với bị đơn ông Võ T vắng mặt nhưng đã cung cấp lời khai rõ ràng và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử là đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án giữa bà D và ông T trình bày có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TB, huyện HP, tỉnh Huyện HG nhưng không cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn cho Tòa án. Mặt khác, qua xác minh của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã TB và Phòng Tư pháp huyện HP thì không còn sổ bộ lưu và cũng không có tên ông T, bà D trong sổ bộ tại Ủy ban nhân dân xã TB và Phòng Tư pháp huyện HP nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà D và ông T là vợ chồng; Về con chung đã trưởng thành nên đề nghị không xem xét giải quyết; Về tài sản chung không yêu cầu

và nợ chung không có nên đề nghị không xem xét; Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đề nghị buộc bà D phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Lê D và ông Võ T do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể tự giải quyết hàn gắn tình cảm được với nhau nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được xem là trường hợp chung sống với nhau như vợ chồng theo quy định tại khoản 8 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Huyện HG.

[2] Xét thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Võ T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định pháp luật.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Dung và anh Thắng khai có đăng ký kết hôn tại xã TB, huyện HP, tỉnh Huyện HG nhưng trong quá trình tố tụng không bên nào cung cấp được cho Tòa án giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Qua xác minh của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A tại Ủy ban nhân dân xã TB và Phòng Tư pháp huyện HP thì không còn sổ bộ lưu và không có tên bà D và ông T trong sổ bộ lưu nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bà D và ông T không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, khi có yêu cầu giải quyết việc ly hôn thì căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận bà D và ông T là vợ chồng.

[4] Xét về con chung: Bà D và ông T khai thống nhất có 02 người con chung là Võ Thị KN (nữ), sinh ngày 18/6/1993 và Võ H C (nam), sinh ngày 27/6/1997. Do các con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Xét về tài sản chung: Bà D và ông T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử chưa xem xét, giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Lê D phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê D.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lê D và ông Võ T là vợ chồng.

Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Bà D và ông T chưa yêu cầu nên chưa xem xét, giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung sẽ giải quyết thành vụ án khác.

Về nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Lê D phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Lê D đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011131 ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự HCTB, tỉnh HG thành tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (bà D đã nộp xong).

Về quyền kháng cáo: Bà Lê D có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Ông Võ T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân TTMN, HCTB, tỉnh HG.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Huyện HG;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS HCTB;
- VKSND HCTB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Minh Tâm